

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THỦY
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 86/2023/DS - ST

Ngày: 25/9/2023

V/v tranh chấp: HĐ cầm cố

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THỦY, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đặng Thị Huệ**

Các Hội thẩm nhân dân

- Bà Huỳnh Thị Lài

- Ông Phạm Ngọc Hà

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hồng Châu** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thủy.

Ngày 25 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thủy tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 186/2023/TLST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2023 về việc tranh chấp “*Hợp đồng cầm cố*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 493/2023/QĐ-ST ngày 30/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 533/2023/QĐST-DS ngày 14/9/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Công ty TNHH S1**.

Địa chỉ: **A N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An**

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Duy T**, sinh năm 1997 (Giấy ủy quyền số 07/04/01/2023 ngày 01/7/2023) – Có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn: Bà **Nguyễn Ngọc S**, sinh năm 1967 – Vắng mặt.

Địa chỉ: **1 khu V, phường B, quận B, thành phố Cần Thơ**.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết, nguyên đơn trình bày:

Ngày 04/5/2021, nguyên đơn – **công ty TNHH S1 – chi nhánh N** có ký với bà **Nguyễn Ngọc S** hợp đồng cầm cố tài sản, theo hợp đồng, bà **S** cầm cố cho nguyên đơn: 01 xe máy biển số 65D1-207.98, loại xe Honda Supper Dream, màu nâu; số khung RLHJA2701DY033129, số máy JA27E0033136; số giấy đăng ký xe mô tô số 000216 do **Công an Quận B** cấp ngày 11/01/2021.

Số tiền cầm cố tài sản: 7.400.000 đồng, thời hạn cầm cố là 06 tháng; trả gốc lãi, phí trả 01 lần vào ngày 04 tây hàng tháng.

Lãi suất cầm cố 1,1%/tháng,

Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Phí quản lý hồ sơ và hao mòn tài sản: 4,5%/tháng.

Ngày đến hạn là: 4/11/2021.

Tính đến ngày 30/8/2023, bà **Nguyễn Ngọc S** mới thanh toán cho nguyên đơn được số tiền 4.461.000 đồng, trong đó tiền gốc là 3.398.261 đồng, tiền lãi 320.523 đồng, tiền phí quản lý và hao mòn tài sản là 742.261 đồng.

Nguyên đơn đã nhiều lần gọi điện, cử nhân viên đến gặp trực tiếp bà **S** để yêu cầu bà **S** thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng cầm cố đã ký, nhưng bà **S** cố tình lẩn tránh, không thực hiện nghĩa vụ, cũng không đồng ý bàn giao tài sản lại cho nguyên đơn theo giấy mượn xe ngày 04/5/2021. Do vậy nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà **Nguyễn Ngọc S** phải thực hiện nghĩa vụ trả lại xe mô tô hai bánh biển số 65D1-207.98 nêu trên. Trường hợp bà **S** không trả lại tài sản, thì yêu cầu bà **S** phải thanh toán số tiền gốc, lãi cho nguyên đơn (tạm tính đến ngày 30/8/2023) là 10.280.434 đồng (trong đó tiền gốc là 4.001.739, lãi trong hạn là 1.021.244 đồng, lãi quá hạn là 510.622 đồng, phí quản lý hồ sơ và hao mòn tài sản là 4.746.829 đồng). Ngoài ra bà **S** còn phải tiếp tục chịu lãi suất và phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố đã ký kể từ ngày 31/8/2023 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Bị đơn - bà S: Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa;

Bị đơn vắng mặt.

Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ kết quả được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Đây là tranh chấp dân sự về “Hợp đồng cầm cố” giữa pháp nhân với cá nhân. Tranh chấp này do Bộ luật dân sự điều chỉnh. Phía bị đơn có địa chỉ cư trú tại **quận B** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thủy theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Phía nguyên đơn có đơn yêu cầu được giải quyết vắng mặt, đây là quyền tự định đoạt của đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự nên có căn cứ để chấp nhận.

Phía bị đơn bà **S** có ký nhận các biên bản tổng đạt nhiều lần nhưng không đến Tòa theo triệu tập, đây là trường hợp bị đơn cố tình vắng mặt. Do vậy, căn cứ các thủ tục tố tụng đã được tiến hành hợp lệ, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt đối với phía bị đơn theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả tiền gốc, lãi, phí tính đến ngày 25/9/2023, tổng cộng là 10.493.727 đồng (trong đó tiền gốc 4.001.739 đồng, lãi trong hạn 1.059.394 đồng, lãi quá hạn 529.697 đồng, phí quản lý hồ sơ và hao mòn tài sản là 4.902.897 đồng).

Hồ sơ thể hiện, nguyên đơn và bị đơn có ký hợp đồng cầm cố tài sản, theo đó nguyên đơn giải ngân cho bà S vay số tiền 7.400.000 đồng để mua xe gắn máy, xe được đăng ký đứng tên bà S. Đồng thời bà S dùng chính tài sản này làm tài sản đảm bảo cho khoản vay dưới hình thức ký hợp đồng cầm cố tài sản với nguyên đơn, với mức lãi suất là 1,1%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, phí thẩm định tài sản là 4,5%. Thời hạn cầm cố là 06 tháng (từ ngày 04/5/2021 đến 04/6/2021). Song song đó, nguyên đơn cho bà S mượn lại tài sản này để sử dụng, bà S có ký Giấy mượn xe vào ngày 04/5/2021, thời hạn mượn là 01 tháng. Theo thỏa thuận trong hợp đồng cầm cố, nếu bà S vi phạm nghĩa vụ trả gốc, lãi thì nguyên đơn có quyền nhận lại tài sản cầm cố thay cho nghĩa vụ bảo đảm hoặc xử lý tài sản cầm cố theo cách thức mà nguyên đơn lựa chọn.

Xét, tại “Phiếu đăng ký kiêm hợp đồng cầm cố” ngày 04/5/2021, đã ký giữa nguyên đơn và bị đơn, các bên có thỏa thuận về mức lãi suất, phí thẩm định tài sản, phí bảo quản tài sản... nhưng không có thỏa thuận nào về “phí quản lý hồ sơ và hao mòn tài sản”, do vậy, chỉ có căn cứ để chấp nhận buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tiền gốc còn nợ là 4.001.739 đồng, lãi trong hạn 1.059.394 đồng, lãi quá hạn 529.697 đồng, tổng cộng là 5.590.830 đồng.

Không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc đòi bị đơn trả khoản phí quản lý hồ sơ và hao mòn tài sản là 4.902.897 đồng.

Trường hợp bà S không trả được số tiền nêu trên thì nguyên đơn có quyền thu hồi tài sản đảm bảo là xe gắn máy biển số 65D1-207.98, loại xe Honda Supper Dream do bà Nguyễn Ngọc S đứng tên để thu hồi nợ.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho nguyên đơn (5.590.830 đồng). Nguyên đơn phải chịu án phí trên số tiền không được chấp nhận yêu cầu (4.902.897 đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 309, 312, 314, 315 Bộ luật dân sự 2015

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Buộc bà **Nguyễn Ngọc S** phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền gốc, lãi theo hợp đồng cầm cố tài sản đã ký kết tổng cộng là 5.590.830 đồng (trong đó tiền gốc 4.001.739 đồng, lãi trong hạn 1.059.394 đồng, lãi quá hạn 529.697 đồng).

Kể từ ngày 26/9/2023 bị đơn vẫn phải chịu tiền lãi phát sinh trên số tiền gốc còn nợ nguyên đơn cho đến khi trả dứt nợ.

Trường hợp bà **Nguyễn Ngọc S** không thanh toán được tiền nợ, nguyên đơn có quyền thu hồi tài sản là xe gắn máy Honda Supper Dream, biển số 65D1-207.98, số khung RLHJA2701DY033129, số máy JA27E0033136; số giấy đăng ký xe mô tô số 000216 do **Công an Quận B** cấp ngày 11/01/2021 cho bà **Nguyễn Ngọc S** để thu hồi nợ.

2. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả phí quản lý hồ sơ và hao mòn tài sản là 4.902.897 đồng (bốn triệu, chín trăm lẻ hai ngàn, tám trăm chín mươi bảy ngàn đồng).

3. Về án phí:

- Bị đơn phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

- Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã đóng theo biên lai thu số 0002256 ngày 13/6/2023, tại Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Thủy thành án phí.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận Bình Thủy;
- VKSND TPCT;
- TAND TPCT;
- THA Q Bình Thủy
- Lưu hồ sơ

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Huệ